

Số: 01/ĐA-TTYT

Đông Hải, ngày 04 tháng 11 năm 2019

ĐỀ ÁN
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHÁM, CHỮA BỆNH TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN ĐÔNG HẢI GIAI ĐOẠN 2019-2025

PHẦN THỨ NHẤT
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết của việc xây dựng Đề án

Ngày 25 tháng 10 năm 2017 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, với mục tiêu “Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế "Thầy thuốc phải như mẹ hiền", có năng lực chuyên môn vững vàng, tiếp cận trình độ quốc tế. Nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi sản xuất, cung ứng dược phẩm, dịch vụ y tế”.

Nhận thức đúng đắn vai trò, ý nghĩa của công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, trong những năm qua, các cấp lãnh đạo đã luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo và có nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho Trung tâm Y tế Đông Hải phát triển. Trong thời gian qua tại Trung tâm Y tế, việc thực hiện qui chế chuyên môn và cơ cấu tổ chức từng bước được kiện toàn, nhiều bệnh nặng, nguy hiểm được điều trị khỏi; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và phục vụ bệnh nhân được cải thiện; việc cung ứng thuốc và trang thiết bị y tế được đầu tư đáp ứng nhu cầu thiết yếu của công tác khám chữa bệnh; trình độ đội ngũ cán bộ y tế và chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh cho nhân dân ngày được nâng cao.

Tuy nhiên, công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế còn một số tồn tại: chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, đa dạng của nhân dân. Cơ sở hạ tầng đã được xây mới nhưng xuống cấp nhanh, trang thiết bị y tế vẫn trong tình trạng xuống cấp và lạc hậu. Đội ngũ cán bộ y tế còn hạn chế về chất lượng.... Mặt khác cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhiều vấn đề mới phát sinh như ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội đang ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân; cơ cấu bệnh tật có nhiều thay đổi; nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao và đa dạng, trong khi khả năng đáp ứng các dịch vụ kỹ thuật của Trung tâm Y tế còn hạn chế. Hơn nữa trung tâm Y tế đóng trên địa bàn không thuận lợi cho việc đi lại của người dân trong huyện. Từ những hạn chế trên, công tác khám chữa bệnh phục vụ nhân dân đang gặp nhiều khó khăn và thách thức lớn.

Để đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói chung và của Trung tâm Y tế huyện Đông Hải nói riêng, nhằm góp phần thành công mục tiêu các chương trình y tế theo quy hoạch phát triển ngành y tế tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Việc xây dựng Đề án nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Đông Hải đến giai đoạn 2019-2025 là vấn đề rất cần thiết.

II. Căn cứ xây dựng Đề án

1. Căn cứ pháp lý

- Luật khám chữa, bệnh số 40/2009/QH12 và các hướng dẫn;
- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;
- Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;
- Thông tư 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp;
- Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;
- Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 5/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới”;
- Chương trình hành động số 1379/CTr-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế, về triển khai thực hiện Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016, giai đoạn 2018 - 2020;
- Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên y;
- Quyết định số 122/2013/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến 2030;
- Thông tư số 43/QĐ-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Quyết định số 1816/QĐ-BYT ngày 26/05/2008 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án “Cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh”;

- Quyết định số 44/2007/QĐ-BYT ngày 12/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong các bệnh viện công lập;

- Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế Bệnh viện;

- Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Liên Bộ Y tế - Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế Nhà nước;

- Quyết định 305/QĐ-UBND ngày 05/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc Quy hoạch phát triển hệ thống Y tế tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 55/KH-TU ngày 11/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Kế hoạch 64/KH-SYT ngày 15/7/2019 của Sở Y tế Bạc Liêu về nâng cao chất lượng khám chữa, bệnh y tế tuyến cơ sở;

2. Căn cứ vào thực tiễn

2.1. Kết quả hoạt động của Trung tâm Y tế trong những năm qua

Từ năm 2008 đến nay, Trung tâm Y tế có 100 giường bệnh kế hoạch và số giường thực kê là 130 giường. Từ 3 năm trở lại đây chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng nâng cao. Trung tâm Y tế đã đầu tư mua sắm một số trang thiết bị có giá trị thấp và được Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế cung cấp một số trang thiết bị mới có giá trị cao, để phục vụ cho công tác khám chữa bệnh. Một số kỹ thuật mới cũng được triển khai đặc biệt là lĩnh vực Ngoại khoa, Cận lâm sàng, Y học cổ truyền & Phục hồi chức năng. Tuy nhiên số lượt khám chữa, bệnh ngoại trú, điều trị nội trú và kỹ thuật Cận lâm sàng vẫn không tăng, tình trạng chuyển tuyến ngày càng tăng. Nguyên nhân là do: thiếu về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn cao, yếu tố địa lý không thuận lợi cho người dân đến khám và chữa bệnh; nhu cầu khám chữa bệnh của người dân ngày càng cao, người dân luôn muốn được tiếp cận dịch vụ kỹ thuật cao.

Phụ lục 1: Kết quả một số hoạt động khám, chữa bệnh qua các năm 2016-2018 như sau :

Stt	Nội dung	Đơn vị	Năm		
			2016	2017	2018
1	Tổng số lần khám bệnh	Lần	119.494	115.171	107.244
2	Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú	Lần	5.735	6.633	6391
3	Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	30.735	34.277	32.095
4	Ngày điều trị trung bình	Ngày	5,35	5.17	5,02
5	Công suất sử dụng giường	%	84.2%	93,9%	89,15%

6	Tổng số phẫu thuật các loại	Lần	206	97	04
7	Tổng số thủ thuật các loại	Lần	1.583	652	776
8	Tổng số lần xét nghiệm	Lần	119.625	101.523	94.838
9	Tổng số chụp X quang	Lần	8.958	10.586	6.275
10	Tổng số siêu âm	Lần	8.401	7.781	6.520
11	Tổng số lần điện tim	Lần	6.495	7.114	6.642
12	Số BN chuyển viện nội trú	Người	395	452	396
13	Số BN chuyển viện ngoại trú	Người	1.487	1.760	2.005

2.2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.2.1. Cơ sở vật chất

Cơ sở hạ tầng được xây dựng khang trang được đưa vào sử dụng năm 2011 (gói thầu số 1) và năm 2016 (gói thầu số 2), hệ thống điện, nước hoạt động tốt; hệ thống xử lý chất thải được đưa vào hoạt động đúng theo quy định. Tuy nhiên sau vài năm đưa vào hoạt động các khoa, phòng xuống cấp rất nhanh, Trung tâm Y tế cũng đã kịp thời đầu tư sửa chữa, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ trong hoạt động khám, chữa bệnh.

2.2.2. Trang thiết bị

Những năm gần đây, được sự quan tâm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế Bạc Liêu, Trung tâm Y tế đã được đầu tư trang bị thêm một số máy móc, trang thiết bị y tế cần thiết, như: Máy nội soi tai mũi họng, bộ phẫu thuật nội soi, Monitor theo dõi bệnh nhân; Máy siêu âm màu, trắng đen, Bơm tiêm điện, máy truyền dịch, máy Xquang... Tuy nhiên trang thiết bị vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân.

Tình hình thực tế hiện nay trang thiết bị còn thiếu về chủng loại và lạc hậu, đa số là trang thiết bị cũ, hư hỏng liên tục và chưa được sửa chữa kịp thời, đề nghị xin được cấp trang thiết bị mới lại chậm cung cấp. Hầu hết các trang thiết bị đang sử dụng thuộc nhiều dự án đầu tư và không đồng bộ, thiết bị chưa được kiểm định thường xuyên, kinh phí để duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp còn hạn hẹp; cán bộ kỹ thuật duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị y tế của Trung tâm Y tế năng lực hạn chế. Vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế và chưa đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của người dân.

2.2.3. Nguồn lực phát triển khám chữa, bệnh của Trung tâm Y tế

Nhân lực của được đào tạo nâng cao hàng năm theo sự phát triển chung của đơn vị. Lãnh đạo các khoa điều trị có trình độ sau đại học chiếm 60%, số lượng cán bộ sau đại học ở một số khoa còn thấp, cơ cấu cán bộ đảm bảo về số lượng nhưng còn yếu về chất lượng.

Trong năm 2018, 2019 Trung tâm Y tế đã xây dựng kế hoạch đào tạo sát với tình hình thực tế, nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, cụ thể:

- Năm 2018 đào tạo:

+ Sau đại học: Hồi sức cấp cứu: 01, Lao phổi: 01.

+ Chuyên khoa sơ bộ: phẫu thuật nội soi:01, Sản phụ khoa: 01, da liễu: 01, hồi sức cấp cứu: 01, tập huấn phẫu thuật ngoại khoa: 01.

+ Đại học: Bác sĩ hệ 4 năm: 02, cử nhân điều dưỡng: 02

- Năm 2019 đào tạo:

+ Sau đại học: Nội 01, Sản 01, chẩn đoán hình ảnh 01.

+ Chuyên khoa sơ bộ: chẩn đoán hình ảnh 01, hồi sức cấp cứu: 01, tập huấn phẫu thuật ngoại khoa: 01

+ Đại học: Đưa ôn thi bác sĩ hệ 4 năm: 06.

Trung tâm Y tế sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo theo lộ trình, sẽ đáp ứng tốt công tác khám, chữa bệnh trong những năm sau.

Phụ lục 2: Cơ cấu nhân lực ở lĩnh vực điều trị tại Trung tâm Y tế Đông Hải

Số TT	Trình độ chuyên môn	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Bác sĩ	18	22	28
2	Dược sĩ	20	19	19
3	Điều dưỡng- Y sĩ	58	54	57
4	Nữ hộ sinh	04	07	07
5	Kỹ thuật viên	07	09	09
6	Hộ lý	06	05	05

Phụ lục 3: Trình độ cán bộ ở lĩnh vực điều trị

Số TT	Trình độ chuyên môn	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Chuyên khoa II	00	01	01
2	Chuyên khoa I	06	10	14
3	Đại học	24	30	30
4	Trung cấp - cao đẳng	64	74	67

3. Căn cứ dự báo

3.1. Dự báo về môi trường

Tình trạng ô nhiễm môi trường còn đang tiềm ẩn, nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải từ nuôi trồng thủy sản, sản xuất thủy hải sản, trong khi hệ thống xử lý chất thải phục vụ cho nuôi trồng và sản xuất thủy hải sản chưa được hoàn thiện. Việc kiểm soát chất thải chưa tốt đang là nguy cơ làm phát sinh và bùng phát các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm về hô hấp, tiêu hóa.

Một số xã, thị trấn trên địa bàn huyện chưa có hệ thống cung cấp nước sạch. Tình trạng khai thác nước ngầm bừa bãi, chưa được quản lý chặt chẽ cũng là yếu tố ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân.

3.2. Dự báo về Quy mô dân số và Dự báo cơ cấu bệnh tật

- Huyện Đông Hải là nơi tập trung dân cư của 63 tỉnh, thành trong cả nước, đặc biệt là thị trấn Gành Hào là nơi tập trung dân cư của nhiều tỉnh thành nhất.

Mật độ dân cư đông đúc, phân bố không đồng đều, tập trung nhiều nhất ở các trung tâm của xã và thị trấn.

- Trong những năm qua quy hoạch phát triển tiềm lực kinh tế của huyện, đã hình thành các công ty chế biến thủy hải sản xuất khẩu ra nước ngoài, các công ty sản xuất giống nuôi trồng thủy sản đã thu hút một lượng lớn dân nhập cư hình thành nhiều cụm dân cư cũng là đối tượng chăm sóc sức khỏe của ngành y tế huyện.

- Đời sống nhân dân ngày được nâng cao, thói quen trong sinh hoạt, ăn uống như: ăn mặn, hút thuốc lá, uống rượu bia, lười tập vận động.... Dẫn đến một số bệnh mạn tính và bệnh không lây nhiễm ngày càng tăng cao làm thay đổi mô hình bệnh tật tại địa phương như: tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, các bệnh về khớp và một số bệnh tim mạch khác...

3.3. Nhu cầu khám bệnh của người dân

Nhu cầu khám chữa bệnh của dân ngày càng cao, nhu cầu được tiếp cận dịch vụ kỹ thuật cao ngày càng tăng, thể hiện rõ là tình trạng điều trị vượt tuyến và yêu cầu chuyển tuyến trên đối với bệnh ngoại trú ngày càng tăng dần qua các năm.

3.4. Dự báo về độ bao phủ bảo hiểm của người dân

Trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến vấn đề bảo hiểm toàn dân cho người dân, đã đưa ra chính sách về bảo hiểm cho người dân, có nhiều cơ chế khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm tự nguyện, đồng thời cấp bảo hiểm cho đối tượng gia đình chính sách, đối tượng ưu tiên... dự báo trong những năm tới đây độ bao phủ bảo hiểm và nhu cầu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế của người dân tăng cao. Hiện tại trong năm 2019 độ bao phủ bảo hiểm tại huyện Đông Hải khoảng 90% và tỷ lệ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế khoảng 88%.

3.5. Dự báo về một số yếu tố khác

- Trong những năm qua, huyện Đông Hải đã thực hiện đô thị hóa, việc nhựa hóa giao thông nông thôn, hình thành mạng lưới giao thông tương đối tốt thuận lợi cho việc phát triển kinh tế văn hóa xã hội trong huyện. Tình hình phát triển kinh tế văn hóa xã hội của huyện cũng phát sinh những vấn đề sức khỏe của nhân dân mà ngành y tế phải giải quyết như:

+ Sự tập trung dân nhập cư từ nhiều nơi xáo trộn tính miễn dịch do vậy dịch bệnh có thể bùng phát bất cứ lúc nào.

+ Tai nạn giao thông ngày càng gia tăng với mức trầm trọng tổn thương phức tạp hơn cũng là vấn đề sức khỏe cần phải giải quyết.

+ Tình trạng tập trung dân nhập cư đặc biệt là ngư phủ gây sự xáo trộn bất ổn trật tự, an ninh xã hội. Dẫn đến việc hành hung, ẩu đả gây thương tật nặng nề và phức tạp hơn.

- Tệ nạn xã hội ngày càng có chiều hướng gia tăng, các tụ điểm mại dâm, ma túy vẫn còn nhiều nơi trên địa bàn huyện.

- An toàn vệ sinh thực phẩm chưa được kiểm tra chặt chẽ, thức ăn vỉa hè vẫn còn, đặc biệt thực phẩm ăn liền chưa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng vẫn còn

bày bán. Tình trạng ngộ độc thực phẩm vẫn thường xuyên xảy ra, năng lực kiểm nghiệm thực phẩm còn hạn chế.

- Dịch bệnh gia súc, gia cầm vẫn thường xuyên xảy ra trên địa bàn huyện.
- Từ những yếu tố trên gia tăng một số bệnh lây truyền qua đường máu, đường tiêu hóa, chấn thương và nguy cơ dịch bệnh bùng phát... đó là những vấn đề sức khỏe cần đặc biệt quan tâm.

III. Quan điểm xây dựng Đề án

1. Phát triển đồng bộ, toàn diện Trung tâm Y tế huyện Đông Hải theo hướng hiện đại và bền vững đảm bảo tính hệ thống, liên tục trong hoạt động chuyên môn của Trung tâm Y tế. Phát triển các dịch vụ y tế theo chuyên sâu, nhằm tạo cơ hội cho mọi người dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế chất lượng ngày càng cao, đảm bảo công bằng trong chăm sóc y tế.

2. Phát triển Trung tâm Y tế huyện Đông Hải phải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm các Trung tâm Y tế và các bệnh viện cùng hạng trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, hướng tới mục tiêu công bằng, hiệu quả và phát triển.

3. Phát triển Trung tâm Y tế huyện Đông Hải theo hướng tăng cường xã hội hóa, trong đó y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo; nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh; kết hợp các dịch vụ cơ bản với các dịch vụ chuyên sâu.

4. Phát triển Trung tâm Y tế huyện Đông Hải gắn liền với đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ viên chức.

PHẦN THỨ HAI THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI TRUNG TÂM Y TẾ

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ

1. Chức năng, nhiệm vụ:

Trung tâm Y tế Đông Hải, được xếp loại bệnh viện hạng III là cơ sở chịu trách nhiệm cao nhất trong địa bàn huyện về chuyên môn kỹ thuật, y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật, truyền thông về dân số kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật cho người bệnh.

Trung tâm Y tế có các nhiệm vụ như sau:

- Cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng.
- Đào tạo cán bộ y tế.
- Nghiên cứu khoa học về y học.
- Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật.
- Phòng bệnh.
- Hợp tác quốc tế.

- Quản lý kinh tế y tế.
- Quản lý và triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

2. Hệ thống tổ chức

Mạng lưới y tế tuyến xã, thị trấn gồm có: 01 Phòng khám Đa khoa khu vực và 11 Trạm Y tế (Trạm Y tế Điền Hải hoạt động chung với Phòng khám Đa khoa khu vực Điền Hải). Có 11/11 Trạm Y tế xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế.

2.3. Tình hình nhân lực:

Nhân lực toàn Trung tâm Y tế là: 305, trong đó: biên chế 233 (chỉ tiêu giao 261); Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP và hợp đồng lao động 72.

- Tuyển huyện có 195 Công chức, viên chức, trong đó:

Tuyển xã có: 111 viên chức, trong đó:

- Trạm Y tế: 96
- Phòng khám đa khoa khu vực: 15
- Bác sĩ: có 24 bác sĩ/11 Trạm Y tế và 01 Phòng khám đa khoa khu vực (10 Trạm Y tế xã có 02 bác sĩ, 01 Trạm Y tế thị trấn có 01 Bác sĩ).
- Hộ sinh, Y sĩ sản nhi: 13/11 Trạm Y tế.
- Y sĩ Y học cổ truyền/Y sĩ định hướng Y học cổ truyền: 11/11 Trạm Y tế.
- Dược sĩ:

3. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất đang trong giai đoạn đã đưa vào hoạt động ổn định, tuy nhiên một số khoa điều trị đang xuống cấp do thấm, dột nước, sàng nhà bị lún ảnh hưởng lớn đến công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế.

4. Thực trạng công tác khám, chữa bệnh:

Từ năm 2008 đến nay, Trung tâm Y tế có 100 giường bệnh kế hoạch, hiện tại thực kê 130 giường.

4.1. Số liệu khám, chữa bệnh trong 3 năm 2016-2018 (phụ lục 1).

Từ kết quả khám chữa bệnh (phụ lục 1) thấy rằng số lượng khám điều trị ngoại trú và điều trị nội trú không tăng qua các năm, hầu các chỉ tiêu cận lâm sàng chẩn đoán hình ảnh giảm dần từ năm 2016 đến 2018.

4.2. Mô hình bệnh tật tại Trung tâm Y tế Đông Hải trong 3 năm (2016-2018)

Phụ lục 4: Mô hình bệnh tật 10 bệnh điều trị ngoại trú thường gặp nhất tại Trung tâm Y tế Đông Hải qua trong 3 năm (2016-2018)

SỐTT	Bệnh (theo ICD 10)	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tăng huyết áp	Lượt	14.066 (11,8%)	12.301 (10,7%)	10.659 (9,9%)
2	Viêm đường hô hấp trên	Lượt	13.981 (11,7%)	12.263 (10,6%)	11.528 (10,7%)
3	Viêm họng, Amygdal	Lượt	13.875	15.195	11.272

			(11,6%)	(13,2%)	(10,5%)
4	Đái tháo đường	Lượt	10.855 (9,1%)	11.030 (9,6%)	10.780 (10%)
5	Viêm dạ dày- tá tràng	Lượt	5.679 (4,8%)	5.412 (4,7%)	5.144 (4,8%)
6	Bệnh cột sống	Lượt	5.572 (4,7%)	4.225 (3,7%)	4.361 (4,1%)
7	Viêm khớp	Lượt	4.827 (4,0%)	4.933 (4,3%)	6.076 (5,7%)
8	Bệnh viêm tai	Lượt	4.166 (3,5%)	3.895 (3,4%)	3.110 (2,9%)
9	Viêm phế quản và tiểu phế quản cấp	Lượt	4.107 (3,4%)	4.722 (4,1%)	4.193 (3,9%)
10	Các tổn thương do chấn thương	Lượt	3.757 (3,1%)	3.788 (3,2%)	3.681 (3,4%)
Tổng số			67,7%	67,5%	61,8%

Chỉ số thông kê từ mô hình bệnh tật 10 bệnh điều trị ngoại trú (*phụ lục 4*), cho thấy 10 bệnh điều trị ngoại trú thường gặp chiếm tỷ lệ rất cao khoảng 70% tổng số lượng bệnh điều trị ngoại trú qua các năm. Những bệnh không lây nhiễm đứng hàng đầu như: bệnh tim mạch, đái tháo đường; lần lượt tiếp theo nhóm bệnh nhiễm trùng như: viêm hô hấp trên, viêm họng, viêm Amygdal, viêm tai; kế đến là nhóm bệnh dạ dày ruột, viêm đường hô hấp dưới và sau cùng là nhóm bệnh tổn thương do chấn thương.

Phụ lục 5: mô hình bệnh tật 10 bệnh điều trị nội trú cao nhất tại Trung tâm Y tế Đông Hải trong 3 năm (2016-2018)

Số TT	Bệnh (theo ICD 10)	Đơn vị	2016	2017	2018
1	Tăng huyết áp	Người	672 (11,7%)	760 (11,5%)	857 (13,7%)
2	Bệnh tai và xương chũm	Người	318 (5,5%)	378 (5,7%)	419 (6,6%)
3	Viêm và viêm Amygdal cấp	Người	296 (4,6%)	405 (6,1%)	373 (5,8%)
4	Các tổn thương khác do chấn thương	Người	264 (4,4%)	301 (4,5%)	256 (4%)
5	Đái tháo đường	Người	255 (4,4%)	221 (2,5%)	164 (2,6%)
6	Viêm dạ dày tá tràng	Người	232 (4,0%)	391 (6,8%)	435 (6,8%)

7	Các bệnh phổi	Người	206 (3,6%)	215 (3,2%)	178 (2,8%)
8	Bệnh cột sống	Người	204 (3,6%)	194 (2,9%)	154 (2,4%)
9	Viêm cấp đường hô hấp trên	Người	170 (3,0%)	252 (3,8%)	253 (4%)
10	Bệnh lý thiếu máu cục bộ cơ tim	Người	168 (2,9%)	202 (3%)	176 (2,8%)
Tổng cộng			2785 (48,6%)	3312 (49,9%)	3277 (51,3%)

Chỉ số thông kê từ mô hình bệnh tật 10 bệnh điều trị nội trú (phụ lục 5), cho thấy 10 bệnh điều trị nội trú thường gặp chiếm khoảng 50% tổng số lượng bệnh điều trị nội trú qua các năm. Những bệnh không lây nhiễm đứng hàng đầu như: bệnh tim mạch, đái tháo đường; lần lượt tiếp theo nhóm bệnh nhiễm trùng như: viêm hô hấp trên, viêm họng, viêm Amygdal, viêm tai; nhóm bệnh dạ dày ruột, viêm đường hô hấp dưới và sau cùng là nhóm bệnh tổn thương do chấn thương.

Phụ lục 6: Mô hình bệnh tật 10 bệnh chuyên viện ngoại trú cao nhất trong 3 năm (2016-2018)

Số TT	Bệnh (theo ICD 10)	Đơn vị	2016	2017	2018
1	Viêm gan siêu vi B không đồng nhiễm viêm gan D	Người	124 (8,3%)	133 (7,6%)	97 (4,8%)
2	Đục thủy tinh thể	Người	80 (5,6%)	114 (6,7%)	115 (5,7%)
3	Viêm gan siêu vi C mạn	Người	47 (3,2%)	55 (3,1%)	28 (1,4%)
4	U lành tuyến giáp	Người	43 (2,9%)	88 (5%)	60 (3%)
5	Tăng huyết áp vô căn	Người	33 (2,2%)	52 (3%)	27 (1,3%)
6	Thoát vị bẹn	Người	29 (2%)	22 (1,3)	18 (0,9%)
7	Suy thận mạn	Người	26 (1,7%)	24 (1,4%)	25 (1,2%)
8	Bệnh cơ tim do thiếu máu	Người	25 (1,7%)	24 (1,4%)	20 (1%)
9	Viêm gan siêu vi mạn có đồng nhiễm viêm gan siêu vi D	Người	23 (1,5%)	26 (1,5%)	19 (0,9%)

10	Ung thư các loại	Người	54 (3,6%)	29 (1,6%)	26 (1,3%)
Tổng cộng			484 (32,5%)	566 (32,2%)	435 (21,7%)

Chỉ số thông kê từ mô hình bệnh tật 10 bệnh chuyển viện ngoại trú thường gặp (*phụ lục 6*), cho thấy 10 bệnh chuyển viện ngoại trú thường gặp chiếm khoảng 30% tổng số lượng chuyển viện ngoại trú qua các năm. Trong đó số lượng chuyển viện ngoại trú cao nhất lần lượt là nhóm bệnh viêm gan siêu vi mạn, nhóm bệnh đực thủy tinh thể người già, bệnh lý u lành tuyến giáp, sau cùng là nhóm bệnh tim mạch và ung thư các loại.

Phụ lục 7: mô hình bệnh tật 10 bệnh chuyển viện nội trú cao nhất trong 3 năm (2016-2018)

Số TT	Bệnh (theo ICD 10)	Người	2016	2017	2018
1	Chuyển dạ nhanh	Người	53 (14%)	35 (7,7%)	51 (10,7%)
2	Tai biến mạch máu não	Người	36 (9,15)	32 (7,1%)	55 (11,6%)
3	Viêm dạ dày tá tràng	Người	12 (3%)	18 (4%)	22 (4,6%)
4	Viêm ruột thừa	Người	12 (3%)	16 (3,5%)	18 (3,8%)
5	Viêm phổi tác nhân không đặc hiệu	Người	10 (2,5%)	12 (2,7%)	9 (1,9%)
6	Sốc nhiễm trùng	Người	9 (2,3%)	11 (2,4%)	13 (2,7%)
7	Tổn thương đầu	Người	27 (6,8%)	21 (4,6%)	26 (5,4%)
8	Thiếu máu mạn	Người	16 (4%)	15 (3,3%)	18 (3,8%)
9	Suy thận mạn	Người	14 (3,5%)	13 (2,9%)	11 (2,3%)
10	Nhồi máu cơ tim	Người	14 (3,5%)	10 (2,2%)	9 (1,9%)
Tổng cộng			203 (51,4%)	183 (40,5%)	222 (46,6%)

Từ chỉ số thông kê mô hình bệnh tật 10 bệnh chuyển viện nội trú thường gặp (*phụ lục 7*), cho thấy 10 bệnh chuyển viện nội trú thường gặp chiếm khoảng 50% tổng số lượng chuyển viện nội trú qua các năm. Trong đó số lượng chuyển viện nội trú cao nhất lần lượt là nhóm bệnh sản khoa, nhóm bệnh tai biến mạch máu não, nhóm bệnh dạ dày - tá tràng, bệnh viêm ruột thừa, nhóm bệnh nhiễm trùng, nhóm bệnh chấn thương đầu, bệnh thiếu máu mạn, bệnh thận mạn và sau cùng là nhồi máu cơ tim.

Qua bảng số liệu trên thấy rằng nhóm bệnh sản khoa, viêm ruột thừa chuyển viện khá cao, nguyên nhân là do thiếu bác sĩ phẫu thuật. Tỷ lệ các bệnh nhiễm trùng, chấn thương và tai nạn vẫn là một trong những bệnh thường gặp. Nhưng các bệnh không lây nhiễm mới là bệnh hàng đầu và tăng liên tục qua các năm. Do vậy cần phải có các biện pháp để can thiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của người bệnh, hạn chế tỷ lệ tử vong và chuyển tuyến trên.

Các bệnh nhiễm trùng và không lây nhiễm vẫn tiếp tục duy trì ở tăng suất cao, đòi hỏi cần phải tăng cường nhân lực, nâng cấp cơ sở hạ tầng, mở rộng, thành lập mới các khoa phòng điều trị cũng như trang thiết bị phục vụ cho công tác chẩn đoán, theo dõi, tiên lượng và điều trị bệnh.

4.3. Một số hoạt động chuyên môn khác

- Công tác chỉ đạo tuyến và thực hiện đề án 1816:

+ Hàng năm, trung tâm Y tế lập kế hoạch khảo sát và triển khai chuyển giao kỹ thuật tuyến dưới cho các Trạm Y tế theo nhu cầu, có khó khăn về chuyên môn. Duy trì và đề nghị tái công nhận xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo Quyết định 4667/2014/QĐ-BYT.

+ Trung tâm Y tế cũng được chuyển giao một số kỹ thuật mới do bệnh viện tuyến trên chỉ đạo theo đề án 1816 và chuyển giao kỹ thuật cho tuyến xã.

- Phát triển chuyên môn kỹ thuật Trung tâm Y tế đã có nhiều cố gắng trong việc phát triển chuyên môn kỹ thuật để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho người bệnh. Tuy nhiên, công tác phát triển chuyên môn kỹ thuật còn rất chậm, chỉ thực hiện được khoảng 50% kỹ thuật theo phân tuyến. Các kỹ thuật vượt tuyến, kỹ thuật loại I và loại đặc biệt còn rất thấp dẫn đến tình trạng chuyển tuyến trên còn nhiều.

- Công tác Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế:

+ Kiến toàn bộ máy quản lý công tác dược, chất lượng quản lý dược ngày càng nâng cao. Thực hiện tốt các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế chuyên môn về dược.

+ Đảm bảo tốt việc cung ứng thuốc trong công tác khám chữa bệnh và phòng bệnh.

+ Tổ chức đầu thầu thuốc đúng quy định, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị mới. Tuy nhiên trang thiết bị phục vụ còn thiếu rất nhiều và chưa được cung cấp kịp thời dẫn đến chưa đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân.

+ Hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn hợp lý ngày càng nâng cao, công tác tư vấn và thông tin dược lâm sàng trong Trung tâm Y tế đi vào nề nếp.

- Công tác xử lý rác thải, nước thải: Trung tâm Y tế đã tuân thủ việc phân loại và xử lý chất thải y tế theo quy định. Công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải y tế được củng cố, chất thải y tế được vận chuyển và xử lý theo cụm tại Trung tâm Y tế Giá Rai, rác thải sinh hoạt đã được Trung tâm Y tế ký hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường vận chuyển đến nơi xử lý tập trung. Trung tâm Y tế có hệ thống xử lý chất thải lỏng được đưa vào hoạt động từ năm 2013.

- Công tác hợp tác quốc tế:

+ Liên kết với bệnh viện mắt Cần Thơ, Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ và bệnh viện Hoàn Mỹ mở đực thủy tinh thể miễn phí cho người dân trong địa bàn.

+ Liên kết với Hội hô hấp TP Hồ Chí Minh và Công ty Astrazeneca đưa cán bộ tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị bệnh hô hấp.

+ Liên kết với Bệnh viện Huyết học và truyền máu TP Cần Thơ thành lập ngân hàng máu tại Trung tâm Y tế.

5. Công tác tài chính kế toán

Những năm qua, Trung tâm Y tế đã chấp hành tốt chế độ tài chính kế toán của Nhà nước. Trung tâm Y tế có hai nguồn thu chính là từ ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu viện phí.

Hàng quý, Trung tâm Y tế quyết toán số thực chi với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh. Tuy nhiên, việc tạm ứng, thanh quyết toán của BHXH thường chậm làm cho Trung tâm Y tế gặp khó khăn trong việc điều hành các hoạt động thường xuyên của đơn vị.

6. Hệ thống thông tin

Trung tâm Y tế đã đưa công nghệ thông tin ứng dụng quản lý công tác khám, chữa bệnh cả ngoại trú và nội trú bằng phần mềm quản lý bệnh viện thực hiện tại Trung tâm Y tế và các Trạm Y tế trong huyện. Thành lập trang web của Trung tâm Y tế.

7. Văn hóa ứng xử

Trung tâm Y tế đã ý thức được tầm quan trọng của văn hóa ứng xử, hài lòng của người bệnh trong công tác khám chữa bệnh. Do đó, phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, phòng Điều dưỡng đã triển khai tập huấn kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho viên chức, người lao động, đồng thời mời chuyên viên Trường cao đẳng Y tế đến tập huấn cho cán bộ công chức tại đơn vị. Đưa tiêu chí này vào thi đua khen thưởng của các khoa, phòng, bước đầu tạo được chuyển biến tốt, đã tạo được niềm tin trong lòng nhân dân.

II. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân huyện về mọi mặt.

- Nguồn nhân lực trẻ ngày càng tiến bộ, lãnh đạo - nhân viên đoàn kết thống nhất tranh thủ có hiệu quả sự giúp đỡ của các bệnh viện tuyến trên; vận dụng sáng tạo các quy định và chính sách của Nhà nước, tinh thần thái độ làm việc, kỹ năng giao tiếp tốt của cán bộ tạo nên đà phát triển.

2. Khó khăn, hạn chế:

- Nhân lực yếu về chất lượng. Cơ cấu nhân lực chưa hợp lý, ... Một số khoa còn thiếu nhân lực y tế nhất là cán bộ có trình độ sau đại học, còn thiếu các chuyên khoa ở một số lĩnh vực.

- Triển khai kỹ thuật chuyên môn, chẩn đoán và điều trị một số loại bệnh gặp nhiều khó khăn. Nhu cầu khám chữa bệnh và tiếp cận kỹ thuật cao của nhân dân ngày càng cao, trong khi đó sự đáp ứng của Trung tâm Y tế còn giới hạn. Tình trạng bệnh nhân chuyển tuyến trên khám và điều trị còn cao.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa kịp thời dẫn đến thiếu đội ngũ cán bộ kế cận. Tình trạng cán bộ chuyển công tác, hoặc bỏ việc sau khi được đào tạo sang các Phòng khám, bệnh viện khác trong và ngoài tỉnh, đặc biệt cán bộ sau

đại học từ năm 2016 đến nay có khoảng 10 bác sĩ đã nghỉ việc, dẫn đến mất cân đối trong quy hoạch đào tạo và bố trí vị trí việc làm, ảnh hưởng rất lớn đến công tác khám, chữa bệnh.

- Sự nhận thức của một số người dân còn lạc hậu, khi có bệnh tật bất cứ là bệnh cấp tính, hay mạn tính đều có xu hướng xin đi tuyến trên.

- Do kinh phí Trung tâm Y tế còn hạn hẹp, trang thiết bị hư hỏng chưa được sửa chữa kịp thời, đề nghị mua sắm trang thiết bị mới chưa cung cấp kịp thời.

- Cơ sở vật chất: một số khoa điều trị bị thấm, dột nước, sàng nhà bị lún nên ảnh hưởng rất lớn đến công tác khám, chữa bệnh.

- Phân bổ quỹ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế còn hạn hẹp, hàng năm chi phí khám chữa bệnh đều vượt quỹ bảo hiểm, chi trả tiền khám, chữa bệnh của bảo hiểm xã hội còn chậm.

- Chính sách về đấu thầu thuốc: có nhiều mặt hàng thuốc đặc trị không trúng thầu, Trung tâm Y tế không được mua thuốc ngoài danh mục trúng thầu, dẫn đến không đủ thuốc chữa các bệnh chuyên khoa, gây khó khăn cho Trung tâm Y tế.

PHẦN THỨ BA

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Từng bước nâng dần chất lượng khám chữa bệnh, xây dựng Trung tâm Y tế huyện Đông Hải có cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị hiện đại, đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp. Khám, chữa bệnh theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và chất lượng nguồn lực.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao khả năng tiếp cận của người bệnh với các dịch vụ y tế.
- Nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị.
- Tăng cường đầu tư và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị y tế hiện có.
- Nâng cao trình độ cán bộ theo định hướng chuyên sâu.
- Triển khai thực hiện tốt một số kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng mới như: Phẫu thuật nội soi tiêu hóa, xét nghiệm miễn dịch, vi sinh.
- Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể:

3.1. Chỉ tiêu khám, chữa bệnh

T	Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020-	2023	2025
----------	-----------------	---------------	-------------	--------------	-------------	-------------

T				2022		
1	Giường bệnh	Giường	100	100	120	120
2	Số lần khám bệnh	Lần	120.000	130.000	150.000	165.000
3	Số BN điều trị nội trú	Người	7.020	> 7.300	≥8.760	>8.760
4	Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	≥36.5000	> 36.500	≥43.800	>43.800
5	Công suất sử dụng giường bệnh	%	≥100%	>100%	≥100%	>100%
6	Số ngày điều trị trung bình	ngày	< 5,2	< 5,0	<5,0	<5%
7	Tổng số lần xét nghiệm	Lần	100.000	120.000	140.000	>140.000
8	Tổng số lần Xquang	Lần	10.000	11.000	12.000	>120.000
9	Tổng số lần siêu âm	Lần	9.000	10.000	11.000	>11.000
10	Tổng số lần điện tim	Lần	9.000	10.000	11.000	>11.000
11	Tỷ lệ BN chuyển viện nội trú	%	< 6,5%	< 5%	<5%	<5%
12	Tỷ lệ chuyển viện ngoại trú	%	< 1,7%	< 1,5%	<1,5%	<1,5%
13	Phân đầu kiểm tra theo tiêu chí quản lý chất lượng bệnh viện	Điểm	3.34	3,45	3.55	3.6
14	Danh mục kỹ thuật	%	>50%	>55%	>60%	>65%

3.2. Chỉ tiêu nhân lực và phát triển cơ sở vật chất

3.2.1. Chỉ tiêu về đào tạo nhân lực

Số TT	Đối tượng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2025	Tổng cộng
1	Sau đại học	03	08	05	05	04	03	28
2	BS chuyên khoa sơ bộ	02	01	03	02	01	00	09
3	Đại học	08	07	06	06	05	05	37
Tổng cộng		13	16	14	13	10	08	74

- Đến đầu năm 2021 trở về sau tuyển dụng chức danh nghề nghiệp hạng IV phải có trình độ cao đẳng.

- Đến năm 2022 tất 100% Trưởng khoa điều trị đều có trình độ sau đại học.
- Đến năm 2023 viên chức có trình độ trung cấp đã được tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp phải được chuẩn hóa để đạt trình độ cao đẳng trở lên ít nhất là 80%.
- Đến năm 2023 trên 50% phó trưởng khoa có trình độ sau đại học và đến năm 2025 100% phó trưởng khoa có trình độ sau đại học.

3.2.2. Phát triển cơ sở vật chất:

- Duy tu, sửa chữa các khoa đảm bảo triển khai thực hiện tốt các hoạt động khám, chữa bệnh và triển khai kỹ thuật mới.
- Đảm bảo hệ thống điện, nước, xử lý chất thải y tế đúng theo quy định.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất để thành lập khoa nhiễm và liên chuyên khoa dự kiến vào cuối năm 2022.

II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Tổ chức và nhân lực y tế

- Kiện toàn tổ chức từ lãnh đạo Trung tâm Y tế đến các khoa, phòng. Xây dựng đề án vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.
- Đào tạo cán bộ theo đúng lộ trình phát triển của Trung tâm Y tế.
- Chuẩn bị nhân lực thành lập khoa nhiễm và liên chuyên khoa.

2. Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng vào công tác đào tạo các chuyên khoa sau đại học và các lĩnh vực chuyên môn còn yếu, kém.
- Thực hiện đào tạo tại chỗ hoặc tập huấn ngắn hạn chuyển giao kỹ thuật theo đề án 1816 của Bộ Y tế.

3. Kế hoạch phát triển chuyên môn, khoa học kỹ thuật

- Phát triển các kỹ thuật cao theo từng chuyên khoa (trên cơ sở danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ban hành ngày 11/12/2013 quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Y tế và Thông tư 21/1017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của bộ y tế về sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh).

- Triển khai một số kỹ thuật mới như:

+ Phẫu thuật nội soi Ngoại - Sản: cắt ruột thừa, cắt túi mật, thoát vị bẹn, nang buồng trứng, vỡ thai ngoài tử cung.

+ Xét nghiệm & Chẩn đoán hình ảnh: xét nghiệm miễn dịch, vi sinh, siêu âm tim, siêu âm mạch máu, chụp chụp cắt lớp vi tính, nội soi tiêu hóa.

+ Hồi sức cấp cứu: điều trị tiêu sợi huyết trong nhồi máu cơ tim, thở máy điều trị trong cấp cứu, lọc máu trong suy thận mạn.

+ Tai mũi họng: phẫu thuật thẩm mỹ tai mũi họng.

+ Sản khoa: kỹ thuật áp lạnh cổ tử cung trong điều trị viêm lộ tuyến.

+ Y học cổ truyền & Phục hồi chức năng: một số kỹ thuật nâng cao về phục hồi chức năng.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý dược trong Trung tâm Y tế. Quản lý chặt chẽ thuốc, sinh phẩm y tế và vật tư tiêu hao. Quản lý chất lượng thuốc trong tất cả các khâu xuất nhập, bảo quản và sử dụng, đặc biệt đảm bảo cung ứng thuốc, vật tư y tế.

- Tăng cường chất lượng hoạt động của Hội đồng khoa học Kỹ thuật, Hội đồng thuốc và điều trị. Thực hiện tốt Chỉ thị 05/2004/CT-BYT về việc chấn chỉnh công tác cung ứng, sử dụng thuốc trong bệnh viện, Thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tổ chức và hoạt động của khoa dược bệnh viện. Xây dựng các phác đồ điều trị và xây dựng quy trình kỹ thuật thực hiện tại Trung tâm Y tế.

4. Kế hoạch phát triển trang thiết bị

- Từng bước hiện đại hoá trang thiết bị tại các khoa, phòng đáp ứng tốt việc triển khai các kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến của Bộ Y tế.

- Công tác mua sắm trang thiết bị, tranh thủ nguồn vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế để dự trù mua sắm trang thiết bị, đáp ứng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh. Xây dựng quy trình mua sắm trang thiết bị, thực hiện quy chế đấu thầu theo quy định. Thực hiện thường xuyên công tác bảo dưỡng, kiểm chuẩn trang thiết bị đã được đầu tư. Thực hiện đúng quy chế kiểm chuẩn định kỳ đối với một số thiết bị y tế.

- Đào tạo cán bộ chuyên trách về quản lý trang thiết bị.

5. Kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng

- Bảo đảm không gian Trung tâm Y tế phù hợp theo tiêu chuẩn đã được xây dựng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ về xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Nâng cấp sửa chữa lại các khoa như: Phòng mổ, Hồi sức cấp cứu, Xét nghiệm & chẩn đoán hình ảnh, Y học cổ truyền & phục hồi chức năng, hệ thống xử lý chất thải đảm bảo thực hiện tốt chức năng khám chữa bệnh.

- Chuẩn bị cơ sở để thành lập khoa Nhiễm và Liên chuyên khoa.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác y tế

Triển khai thực hiện tốt chính sách xã hội hóa công tác y tế theo Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho dự án xã hội hóa y tế được phát triển.

7. Triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ

- Nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của Hội đồng khoa học Kỹ thuật ngành y tế huyện, nghiên cứu cập nhật các trang thiết bị, các phương pháp chẩn đoán và điều trị mới áp dụng có chọn lọc vào công tác khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế.

- Nghiên cứu ứng dụng và khai thác thực hiện các dịch vụ kỹ thuật. Phát triển và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Giải pháp về tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực y tế

1.1. Giải pháp về tổ chức bộ máy

- Kiện toàn tổ chức từ lãnh đạo Trung tâm Y tế đến các khoa phòng, thành lập các khoa mới còn thiếu. Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước thông qua đổi mới cơ chế quản lý, phát huy tính năng động, sáng tạo của các khoa phòng trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực, áp dụng sự tiến bộ của công nghệ thông tin góp phần nâng cao chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Xây dựng đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự theo đúng quy định.

- Xây dựng quy chế dân chủ, quy chế sử dụng tài sản.

- Phòng Tổ chức - Hành chính phối hợp với khoa phòng xác định nhân viên cho từng khoa phòng theo hướng:

+ Giám nhân viên hành chính.

+ Sắp xếp nhân viên không để nơi thừa nơi thiếu.

+ Sử dụng nhân viên về đúng chuyên khoa.

+ Những nhân viên làm việc không hiệu quả, hoặc không đủ điều kiện để bố trí công việc theo đề án vị trí việc làm thì phải buộc thôi việc.

+ Đào tạo cán bộ trẻ kế tục công tác lãnh đạo các khoa phòng.

+ Tuyển dụng nhân viên marketing.

1.2. Phát triển nguồn nhân lực y tế

1.2.1. Giải pháp về đổi mới công tác tổ chức cán bộ

- Tiêu chuẩn hoá và cân đối nhu cầu nhân lực y tế về số lượng, cơ cấu, chất lượng theo từng chuyên khoa và. Kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế, đội ngũ cán bộ quản lý, đảm bảo tiêu chuẩn hoá cán bộ trong từng lĩnh vực quản lý.

- Rà soát nhân lực về số lượng, cơ cấu trình độ, những bất cập trong bố trí, sử dụng nhân lực của các khoa phòng. Đặc biệt quan tâm tạo điều kiện về môi trường làm việc để giữ chân người giỏi, để họ tích cực cống hiến có hiệu quả cho Trung tâm Y tế.

- Xác định nhu cầu về nhân lực của từng khoa phòng.

- Điều chỉnh đội ngũ cán bộ chuyên môn hợp lý trong từng lĩnh vực.

- Bổ sung nhân lực đảm bảo đủ nhân lực cả về số lượng và trình độ chuyên môn cho các khoa phòng.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ cho nhân viên Trung tâm Y tế được cử đi đào tạo lại, đào tạo nâng cao nhằm đảm bảo học phí và sinh hoạt phí. Có chế độ phù hợp đối với cán bộ được cử đi học nâng cao theo quy hoạch đào tạo, để về phục vụ tại đơn vị, hạn chế thấp nhất những trường hợp chuyển đổi công tác sau khi được đào tạo.

1.2.2. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Hàng năm cử cán bộ đi học sau đại học hệ tập trung. Khuyến khích cán bộ đào tạo sau đại học và đào tạo nâng cao chuyên môn theo định hướng phát triển của Trung tâm Y tế.

- Liên kết với bệnh viện Bạc Liêu để thực hiện đề án 1816 và tăng cường công tác đào tạo tại chỗ thông qua thực hiện đề án 1816, để thực hiện tốt việc triển khai các kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu. Liên kết với các Trường đại học như: Đại học Y dược cần Thơ, Đại Học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Phạm Ngọc Thạch... và các bệnh viện tuyến Trung ương để đào tạo chuyên môn.

- Tập trung đào tạo một số chuyên ngành như lĩnh vực gây mê hồi sức, Ngoại tổng quát, Sản phụ khoa, Y học cổ truyền & Phục hồi chức năng, Xét nghiệm & chẩn đoán hình ảnh, Hồi sức cấp cứu, Truyền nhiễm, các chuyên khoa lẻ như: tai mũi họng, răng hàm mặt, mắt.

- Tạo mọi điều kiện tốt nhất để phát triển nguồn nhân lực hiện có (hình thức đào tạo liên thông bác sĩ hệ 4 năm) và tranh thủ với lãnh đạo Sở Y tế bổ sung nguồn nhân lực đặc biệt là bác sĩ đào tạo theo địa chỉ.

2. Giải pháp về tài chính

- Ưu tiên ngân sách Nhà nước trong việc đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác điều trị.

- Thực hiện đúng việc khoán chi theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập có thu và khoán chi hành chính theo Nghị định 192/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thực hiện tốt nguồn kinh phí từ các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và các chương trình y tế khác.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị: đối với những trang thiết bị có vốn mua sắm không cao Trung tâm Y tế sẽ cân đối nguồn ngân sách tại đơn vị để mua sắm. Đối với trang thiết bị có vốn đầu tư cao Trung tâm Y tế trình với lãnh đạo sở Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh xin được cung cấp trang thiết bị.

- Thường xuyên đánh giá, cân đối quỹ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế nhằm tránh tình trạng vượt quỹ bảo hiểm ảnh hưởng lớn đến công tác khám chữa bệnh.

- Đảm bảo nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu khác (viện phí, khác) thực hiện theo đúng dự toán thu chi được duyệt. Khi có dự án mới về mở rộng khám chữa bệnh, mua sắm máy móc trang thiết bị phải lập kế hoạch rõ ràng, chứng minh tính khả thi cũng như lợi ích kinh tế, lợi ích xã hội mà dự án đó mang lại.

- Lập quy trình kế toán nhanh chóng, chính xác, hiệu quả.

- Thực hiện công khai tài chính theo định kỳ đúng quy định.

- Xây dựng đề án tự chủ về kinh phí theo quy định của Nhà nước.

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ theo quy định.

3. Giải pháp phát triển khoa học công nghệ

- Từng bước hiện đại hoá kỹ thuật y học chuyên môn trong lĩnh vực khám chữa bệnh. Hiện đại hóa các trang bị thiết bị Xét nghiệm & Chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán hoá sinh, vi sinh, dụng cụ phẫu thuật, Hồi sức cấp cứu, Y học cổ truyền & Phục hồi chức năng.....

- Nâng dần tỷ lệ kỹ thuật được triển khai tại Trung tâm Y tế. Mở rộng áp dụng một số kỹ thuật cao như: Phẫu thuật nội soi, xét nghiệm miễn dịch, vi sinh, kỹ thuật Hồi sức cấp cứu, chụp cắt lớp vi tinh, nội soi tiêu hóa..... góp phần giảm tải tuyến trên.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại. Đặc biệt chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý chất thải y tế, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải và rác thải y tế đúng quy định.

- Áp dụng các phương pháp mới trong điều hành quản lý bệnh viện, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý toàn diện bệnh nhân, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý trang thiết bị.

4. Giải pháp công tác quản lý

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền.

- Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng Đảng bộ luôn đạt trong sạch vững mạnh là chủ thể lãnh đạo, hạt nhân chính trị ở cơ sở. Chú trọng việc giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ viên chức.

- Phát huy vai trò các đoàn thể trong đơn vị: Công đoàn, đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tiếp thu ý kiến đóng góp của cán bộ viên chức trong việc hoạch định kế hoạch phát triển Trung tâm Y tế.

- Công khai minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ, tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, đào tạo, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý từ lãnh đạo Trung tâm Y tế đến các khoa phòng.

- Bố trí nhân lực phù hợp với yêu cầu tổ chức, phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực, sở trường công tác.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ phát huy hết khả năng chuyên môn kiến thức được đào tạo, từng bước xây dựng chính sách đãi ngộ với những cán bộ giỏi có tay nghề cao.

- Nâng cao kiến thức quản lý nhà nước và kiến thức về pháp luật cho cán bộ công chức. Quan tâm giáo dục y đức, nâng cao kiến thức về tâm lý xã hội, kỹ năng giao tiếp cho cán bộ công chức. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và y đức của cán bộ.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát trong hoạt động về chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm phù hợp, khả thi.

5. Tăng cường thực hiện xã hội hoá công tác y tế

Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hoá đầu tư cho Trung tâm Y tế ở những lĩnh vực không được ngân sách nhà nước đầu tư.

6. Phát triển công tác khám bệnh bảo hiểm y tế

- Phối hợp, giám sát chặt chẽ các bộ phận chuyên môn trong khám chữa bệnh, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế và sự an toàn của quỹ bảo hiểm y tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám chữa bệnh để giảm các thủ tục hành chính, giảm thời gian chờ đợi, tránh phiền hà cho bệnh nhân, nâng cao hiệu quả hoạt động.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Lộ trình phát triển quy mô giường bệnh và khoa

- Đến năm 2022 dự kiến thành lập khoa Nhiễm và Liên chuyên khoa.
- Đến năm 2023 Trung tâm Y tế phân đầu tăng giường bệnh lên 120 giường.

2. Lộ trình đào tạo và phát triển kỹ thuật mới

Năm	Chỉ tiêu đào tạo	Triển khai danh mục kỹ thuật mới
2019	Tổng số: 13, trong đó: - Sau đại học: 03 + BS. CKI Nội TQ: 01. + BS. CKI Sản - phụ khoa: 01. + BS. CKI CĐHA: 01. - Đại học: 08 + Bác sĩ: 06. + Cử nhân: 02. - BS. Sơ bộ: 02 + BS. CĐHA: 01. + BS. HSCC: 01.	<ul style="list-style-type: none">- Kỹ thuật đông máu.- Phẫu thuật nội soi ruột thừa.- Xét nghiệm vi sinh, miễn dịch.
2020	Tổng số: 16, trong đó: - Sau đại học: 08.. + BS. CKI TMH: 01. + BS. CKI nhiễm: 01. + BS. CKI YHCT: 01. + BS. CKI Nội: 01. + BS. CKI Ngoại: 01. + BS. CKI CĐHA: 01. + DS. CKI: 01. + CK I. ĐD: 01 - Đại học: 07. + Bác sĩ: 03. + CN. Điều dưỡng: 02. + CN. Hộ sinh: 01. + DS đại học: 01. - BS.sơ bộ HSCC: 01.	<ol style="list-style-type: none">1. Triển khai một số kỹ thuật thở máy trong cấp cứu.2. Một số xét nghiệm miễn dịch, vi sinh.3. Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...4. triển khai một số kỹ thuật về vật lý trị liệu - PHCN.5. Triển khai mổ nội soi cắt túi mật.
2021	Tổng Số: 13, trong đó: - Sau đại học: 05. + BS. CKI Nhi: 01. + BS. CKI Nội: 01.	<ol style="list-style-type: none">1. Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng, thoát vị bẹn.2. triển khai kỹ thuật về nội soi tiêu hóa.

	<ul style="list-style-type: none"> + BS. CKI Sản - phụ khoa: 01. + DS. CKI: 01. + CKI xét nghiệm: 01. - Đại học: 06. + Bác sĩ: 03. + CN Điều dưỡng: 02. + CN Hộ sinh: 01. - Bác sĩ sơ bộ: 03 + BS. Mắt : 01. + BS. Răng hàm mặt: 01. + BS. Nội soi tiêu hóa : 01. 	
2022	<p>Tổng số: 13, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau đại học: 05. + BS. CKI YHCT: 01. + BS. CKI ngoại 01. + BS. CKI nội: 01. + DS. CKI: 01. + BS. CKI HSCC: 01 - Đại học: 06. + Bác sĩ: 02. + DS. Đại học: 01. + CN. Điều dưỡng: 02. + CN. Xét nghiệm: 01 - Bác sĩ sơ bộ: 02. + BS. sơ bộ sản : 01. + BS. lọc thận nhân tạo: 01. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Triển khai kỹ thuật về lọc máu trong suy thận mạn. 2. Triển khai kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính sọ não, lồng ngực, bụng, chậu, cột sống... 3. triển khai một số kỹ thuật về Tai mũi họng. 4. Xét nghiệm miễn dịch viêm gan siêu vi.
2023	<p>Tổng số: 10, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau đại học: 04. + BS. CKI. Nội: 01. + BS. CKI mắt: 01. + BS. CKI Răng hàm mặt: 01. + BS. CKI CĐHA: 01 - Đại học: 05. + DS đại học: 01. + Bác sĩ: 02. + CN. Điều dưỡng: 02. - Bác sĩ sơ bộ HSCC: 01 	<p>Triển khai một số kỹ thuật về Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt.</p>
2024 -	<p>Tổng số: 08, trong đó:</p>	<p>Triển khai kỹ thuật về răng hàm mặt,</p>

2025	<p>- Sau đại học: 03. + CKI. Nhiễm: 01. + CKI. Nội: 01. + CKI. HSCC: 01</p> <p>Đại học: 05 + Bác sĩ: 02. + CN. ĐD: 02. + Dược sĩ: 01.</p>	mắt.
------	---	------

Lộ trình thực hiện các chỉ tiêu trên, nếu không đạt yêu cầu năm trước sẽ chuyển tiếp năm sau tiếp tục thực hiện để đạt yêu cầu đề ra.

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế

- Hỗ trợ nguồn vốn, các dự án cho Trung tâm Y tế phát triển trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh.
- Có chính sách ưu đãi cho cán bộ học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là cán bộ sau đại học.

2. Đối với Ủy ban nhân huyện

Hỗ trợ nguồn kinh phí trong duy tu, sửa chữa cơ sở vật và mua sắm trang thiết bị cần thiết để phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh cho người dân, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

3. Đối với Bảo hiểm xã hội

- Thanh quyết toán kịp thời nhanh chóng chi phí khám, chữa bệnh cho Trung tâm Y tế.
- Tăng thêm quỹ bảo hiểm trong khám, chữa bệnh hàng năm theo nhu cầu phát triển của Trung tâm Y tế.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Giám đốc:

- Chủ trì, chỉ đạo các Khoa/Phòng trong Trung tâm Y tế để triển khai thực hiện Đề án này.
- Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch tại các Khoa/Phòng trong Trung tâm Y tế.
- Định kỳ hàng năm tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện Đề án báo cáo Sở Y tế.

2. Phòng Tổ chức - Hành chính:

- Tham mưu cho Ban giám đốc về công tác tổ chức, cán bộ thực hiện chính sách này gồm: Thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; ưu tiên chỉ tiêu thu hút và đào tạo cán bộ có chất lượng cao.
- Tham mưu cho Ban giám đốc về công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động và luân chuyển cán bộ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

- Xây dựng đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự theo đúng quy định.

- Xây dựng quy chế dân chủ, quy chế sử dụng tài sản.

3. Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ:

- Phối hợp với Phòng tổ chức cán bộ tham mưu cho Ban giám đốc về công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động và luân chuyển cán bộ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

- Tham mưu cho Ban giám đốc về công tác tổ chức, cán bộ thực hiện chính sách này gồm: Thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; ưu tiên chỉ tiêu thu hút và đào tạo cán bộ có chất lượng cao.

- Đẩy mạnh công tác thực hiện đề án 1816 với bệnh viện tuyến trên.

- Tham mưu và trình cho Ban Giám đốc kế hoạch về phát triển các kỹ thuật mới tại Trung tâm Y tế nhằm nâng cao tỷ lệ các kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng theo phân tuyến của Bộ Y tế.

- Lập kế hoạch sinh hoạt khoa học kỹ thuật, bình bệnh án, bình đơn thuốc định kỳ nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn tại Trung tâm Y tế.

- Lập kế hoạch thi tay nghề Bác sĩ hàng năm.

- Lập kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm và triển khai thực hiện có hiệu quả.

4. Phòng Tài chính - Kế toán:

- Căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ và dự kiến kinh phí hàng năm của Trung tâm Y tế, chủ động phối hợp với phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế trong dự toán thu, chi ngân sách hàng năm để thực hiện các hoạt động của Đề án.

- Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch về phân bổ hợp lý kinh phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế hàng năm để hạn chế thấp nhất tình trạng vượt quỹ bảo hiểm. Tăng cường việc giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế.

- Xây dựng đề án tự chủ về kinh phí của đơn vị.

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ theo quy định.

5. Phòng Điều dưỡng:

- Phối hợp với phòng Tổ chức- hành chính tham mưu cho Ban giám đốc điều động, luân chuyển cán bộ phù hợp nhu cầu các khoa.

- Tăng cường công tác chăm sóc điều dưỡng tại các Khoa nhằm không để xảy ra sai sót chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch thi tay nghề Điều dưỡng hàng năm.

- Lập kế hoạch chăm sóc toàn diện tại một số khoa trọng điểm.

- Lập kế hoạch triển khai định kỳ các quy tắc ứng xử, các quy định về Y đức cho toàn bộ điều dưỡng trong Trung tâm Y tế.

6. Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế:

- Dựa vào đề án của Trung tâm Y tế, lập danh mục trang thiết bị cần triển khai đến giai đoạn 2025 trình Ban Giám đốc phê duyệt.

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ những trang thiết bị tại Trung tâm Y tế để phục vụ tốt cho các hoạt động chuyên môn tại Trung tâm Y tế.

7. Các Hội đồng tư vấn:

7.1. Hội đồng khoa học kỹ thuật:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và lập kế hoạch ứng dụng các đề tài, sáng kiến trong Trung tâm Y tế.

- Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ chủ trì xây dựng danh mục kỹ thuật theo lộ trình kế hoạch.

- Tổ chức cho các khoa xây dựng quy trình kỹ thuật căn cứ trên quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế.

7.2. Hội đồng Thuốc và điều trị:

- Tổ chức xây dựng danh mục thuốc đáp ứng công tác điều trị và phát triển kỹ thuật mới.

- Tổ chức các khoa xây dựng phác đồ điều trị đối với các bệnh thường gặp tại Trung tâm Y tế.

8. Các khoa lâm sàng và cận lâm sàng:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện kế hoạch cụ thể đối với từng Khoa. Phối hợp với các Phòng, Hội đồng có liên quan để thực hiện kế hoạch.

- Đề xuất với Ban Giám đốc các danh mục kỹ thuật mới thực hiện tại các Khoa để xây dựng quy trình chuyên gia theo đề án 1816.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện đề kế hoạch với Ban giám đốc.

Trên đây là Đề án nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Đông Hải giai đoạn 2019 - 2025. Các Khoa/Phòng trong Trung tâm Y tế căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình tổ chức triển khai thực hiện, hằng năm tổ chức đánh giá kết quả đạt được, rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung nào cần thiết sửa đổi, bổ sung, đề nghị phản ánh về Ban giám đốc để có những bổ sung điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (để b/c);
- UBND huyện (để b/c);
- Ban Giám đốc (t/h);
- Các khoa, phòng, HĐTV (t/h);
- Lưu: VT, KHN.V.

GIÁM ĐỐC



DUYỆT SỞ Y TẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Hoàn

